

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
3	Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 30/6/2022 là 551.135.950.000 đồng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 ngày 23/05/2016 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tét bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong 6 tháng đầu năm 2022 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Cao Thanh Nam	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Chơn Biên	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Duy Hiền	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Mai	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/01/2022
Ông Hồ Nghĩa An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/5/2022

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Lê Chiến Sỹ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Trung	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Cao Thanh Nam, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 038/2022/BCSX-PB.00369

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 7 năm 2022, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		504.295.521.336	416.916.877.144
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.852.688.483	37.632.332.491
Tiền	111		30.852.688.483	37.632.332.491
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.494.973.075	26.637.548.743
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	43.085.841.436	19.942.090.006
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.630.027.032	9.797.727.036
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.746.813.152	2.008.401.746
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.967.708.545)	(5.110.670.045)
Hàng tồn kho	140		410.379.990.169	348.095.812.750
Hàng tồn kho	141	5.6	412.366.965.287	350.813.404.617
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.986.975.118)	(2.717.591.867)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.567.869.609	4.551.183.160
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.a	13.567.869.609	4.537.723.926
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13b	-	13.459.234
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		843.109.802.437	888.460.475.399
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		824.096.702.377	872.672.242.390
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	823.308.007.452	871.657.059.971
- Nguyên giá	222		1.786.442.497.909	1.783.895.793.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(963.134.490.457)	(912.238.734.028)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	788.694.925	1.015.182.419
- Nguyên giá	228		4.296.355.380	4.296.355.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.507.660.455)	(3.281.172.961)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	319.750.823	56.325.606
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		319.750.823	56.325.606
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.11	1.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		17.693.349.237	12.731.907.403
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.b	17.693.349.237	12.731.907.403
TỔNG TÀI SẢN	270		1.347.405.323.773	1.305.377.352.543

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		656.617.732.729	580.332.765.174
I.	Nợ ngắn hạn	310		515.009.086.256	438.724.118.701
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	81.823.292.943	61.433.382.575
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.830.517.206	922.875.016
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	5.13a	11.452.689.650	14.885.095.121
4.	Phải trả người lao động	314		17.005.671.270	25.658.093.596
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.446.079.864	3.205.991.171
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	54.068.777.037	25.830.559.552
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17a	337.073.697.398	300.698.565.658
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.308.360.888	6.089.556.012
II.	Nợ dài hạn	330		141.608.646.473	141.608.646.473
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17b	141.608.646.473	141.608.646.473
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		690.787.591.044	725.044.587.369
I.	Vốn chủ sở hữu	410	5.18	690.787.591.044	725.044.587.369
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		551.135.950.000	551.135.950.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		551.135.950.000	551.135.950.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		11.999.994.000	11.999.994.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		100.837.039.040	100.837.039.040
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.814.608.004	61.071.604.329
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.814.608.004	61.071.604.329
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN		440		1.347.405.323.773	1.305.377.352.543



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Nguyễn Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	680.375.870.947	607.894.549.416
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	2.438.610.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		680.375.870.947	605.455.939.416
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	586.693.414.508	489.170.609.065
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.682.456.439	116.285.330.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	939.566.681	303.678.147
7. Chi phí tài chính	22	6.5	15.599.535.198	15.433.932.964
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.500.205.147	15.433.132.514
8. Chi phí bán hàng	25	6.6a	37.032.450.806	32.462.206.074
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6b	8.231.532.455	6.960.441.211
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.758.504.661	61.732.428.249
11. Thu nhập khác	31		-	888.492.736
12. Chi phí khác	32		562.370.917	5.541.991.353
13. Lợi nhuận khác	40		(562.370.917)	(4.653.498.617)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.196.133.744	57.078.929.632
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.381.525.740	9.700.240.283
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.814.608.004	47.378.689.349
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	487	860
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.08	487	860



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Nguyễn Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2022 VND	2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	659.791.804.462	671.077.375.545
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(577.309.767.478)	(503.635.562.521)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(46.194.637.404)	(35.993.045.270)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(16.163.512.320)	(16.778.666.704)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(8.869.646.952)	(1.752.363.812)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	54.380.050.193	2.011.122.312
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(86.417.294.719)	(42.012.885.543)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.783.004.218)	72.915.974.007
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.726.388.070)	(5.064.297.907)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	715.517.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.985.859	10.856.736
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(715.402.211)	(4.337.924.171)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	415.331.749.719	208.116.365.566
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(378.956.617.979)	(333.663.818.834)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.707.653.024)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.667.478.716	(125.547.453.268)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.830.927.713)	(56.969.403.432)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.632.332.491	68.603.860.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	51.283.705	(526.364)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30.852.688.483	11.633.930.560



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Nguyễn Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 30/6/2022 là 551.135.950.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻ bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải phục vụ quản lý: Công ty áp dụng phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.9 **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán
5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	13.733.744	32.178.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.838.954.739	37.600.153.731
Cộng	30.852.688.483	37.632.332.491

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu của khách hàng khác	43.085.841.436	19.942.090.006
- Công ty TNHH Thương Mại Gỗ Gia Khang	-	3.234.139.200
- Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	2.176.440.700	3.276.440.700
- Công ty TNHH MTV Mavina Hoà Bình	1.051.700.000	1.751.700.000
- Công ty CP Đầu tư sản xuất và Thương mại quốc tế Việt Đức	959.896.000	1.609.896.000
- Công ty TNHH Sản Xuất Gỗ An Cường	7.279.951.680	-
- Công ty TNHH Ván-Gỗ Kim Long	2.366.980.000	-
- Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Điệp Dương	5.050.963.200	-
- AL FAS TRADING INTERNATIONAL PVT	2.945.616.448	-
- Công Ty Cổ phần Gỗ An Cường	3.291.645.600	-
- Công ty TNHH SX Và TM Mavina	-	951.346.002
- Công ty TNHH TM DV Và XNK Bảo Lâm	-	1.246.700.760
- Khách hàng khác	17.962.647.808	7.871.867.344
Cộng	43.085.841.436	19.942.090.006

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	4.630.027.032	9.797.727.036
- Điện lực Đông Hà	-	1.837.426.665
- Điện lực Gio Linh	-	2.263.669.030
- IMAL SRL	-	938.755.150
- Công ty TNHH VALMET	766.730.400	-
- ANDRITZ AG	1.082.712.113	1.082.712.113
- Khách hàng khác	2.780.584.519	3.675.164.078
Cộng	4.630.027.032	9.797.727.036

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.4 Các khoản phải thu khác

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.746.813.152	(37.550)	2.008.401.746	(37.550)
- Ký cược, ký quỹ	4.516.029.600	-	-	-
- Phải thu khác	414.935.372	(37.550)	385.376.785	(37.550)
- Tạm ứng	815.848.180	-	1.623.024.961	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.746.813.152	(37.550)	2.008.401.746	(37.550)

5.5 Nợ xấu

	30/6/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	3.834.032.397	3.491.252.129	-	5.355.955.397	4.652.213.629	-
- Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	2.176.440.700	2.176.440.700	>3 năm	3.576.440.700	3.276.440.700	>3 năm
- Công ty CP Thương mại Lâm Triều	627.483.537	313.741.769	>1 năm	807.483.537	403.741.769	< 6 tháng
- Các khách hàng khác	1.030.108.160	1.001.069.660	>3 năm	972.031.160	972.031.160	>3 năm
Phải thu khác	37.550	37.550		192.875	37.550	
- Các đối tượng khác	37.550	37.550	>3 năm	192.875	37.550	>3 năm
Trả trước người bán	476.418.866	476.418.866		476.418.866	458.418.866	
- Công ty TNHH thiết kế XD và TM Hoàng Đức	202.100.000	202.100.000	>3 năm	202.100.000	202.100.000	>3 năm
- Các khách hàng khác	274.318.866	274.318.866	2-3; >3 năm	274.318.866	256.318.866	2-3; >3 năm
Cộng	4.310.488.813	3.967.708.545		5.832.567.138	5.110.670.045	

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	127.682.150.224	-	87.950.965.679	-
Công cụ, dụng cụ	100.855.667.558	-	95.954.712.762	-
- Trong đó: Thiết bị phụ tùng thay thế	96.978.615.564	-	71.241.301.477	-
Chi phí SXKD DD	6.217.267.882	-	1.290.856.882	-
Thành phẩm	177.611.879.623	(1.986.975.118)	165.616.869.294	(2.717.591.867)
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	412.366.965.287	(1.986.975.118)	350.813.404.617	(2.717.591.867)

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	13.567.869.609	4.537.723.926
- Chi phí bảo hiểm	550.718.561	23.982.211
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.346.336.537	4.329.920.880
- Chi phí vận chuyển hàng gửi kho	5.505.889.074	-
- Các khoản khác	1.164.925.437	183.820.835
b. Dài hạn	17.693.349.237	12.731.907.403
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	16.674.256.714	11.483.310.240
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	154.299.472	232.535.530
- Các khoản khác	864.793.051	1.016.061.633
Cộng	31.261.218.846	17.269.631.329

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
01/01/2022	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
30/6/2022	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2022	247.990.000	3.009.303.675	23.879.286	3.281.172.961
- Khấu hao trong năm	-	221.180.986	5.306.508	226.487.494
30/6/2022	247.990.000	3.230.484.661	29.185.794	3.507.660.455
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2022	-	629.061.705	386.120.714	1.015.182.419
30/6/2022	-	407.880.719	380.814.206	788.694.925

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	272.581.689.793	1.465.620.840.159	44.330.639.903	892.193.193	470.430.951	1.783.895.793.999
- Mua trong kỳ	-	-	2.443.067.546	103.636.364	-	2.546.703.910
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
30/6/2022	<u>272.581.689.793</u>	<u>1.465.620.840.159</u>	<u>46.773.707.449</u>	<u>995.829.557</u>	<u>470.430.951</u>	<u>1.786.442.497.909</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	101.187.381.043	774.368.962.463	35.649.068.043	892.193.193	141.129.286	912.238.734.028
- Khấu hao trong kỳ	7.074.289.770	40.633.749.253	3.183.226.496	4.490.910	-	50.895.756.429
30/6/2022	<u>108.261.670.813</u>	<u>815.002.711.716</u>	<u>38.832.294.539</u>	<u>896.684.103</u>	<u>141.129.286</u>	<u>963.134.490.457</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	<u>171.394.308.750</u>	<u>691.251.877.696</u>	<u>8.681.571.860</u>	<u>-</u>	<u>329.301.665</u>	<u>871.657.059.971</u>
30/6/2022	<u>164.320.018.980</u>	<u>650.618.128.443</u>	<u>7.941.412.910</u>	<u>99.145.454</u>	<u>329.301.665</u>	<u>823.308.007.452</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

765.808.269.917 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

489.971.478.629 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.10 Tài sản dở dang

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang				-
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Anh	25.067.244	25.067.244	25.067.244	25.067.244
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Bình	13.564.248	13.564.248	13.564.248	13.564.248
- Rừng xã Húc - Hướng Hóa	17.694.114	17.694.114	17.694.114	17.694.114
- Cải tạo, mở rộng, bao che khu làm sạch dăm	249.424.795	249.424.795	-	-
- Trang trí hội trường, quảng bá sản phẩm	14.000.422	14.000.422	-	-
Cộng	319.750.823	319.750.823	56.325.606	56.325.606

5.11 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị, đến thời điểm 30/6/2022 Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị. Do cổ phiếu của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về giá trị của cổ phiếu này nên Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính theo giá gốc và không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tháng 4/2022 của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị, thì Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị sẽ mua lại phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị với số tiền là 3.000.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2022, Công ty đã thu hồi được số vốn góp tại Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị với số tiền là 2.000.000.000 đồng. Số dư khoản đầu tư vào đơn vị khác trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/6/2022 là 1.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.12 Phải trả người bán

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
a. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
b. Các khoản phải trả người bán khác	81.823.292.943	81.823.292.943	61.433.382.575	61.433.382.575
- Công ty CP VINAFARM Việt nam	17.067.200.000	17.067.200.000	4.325.000.000	4.325.000.000
- Cty TNHH hoá chất công nghệ Sam Sung VN	8.315.378.500	8.315.378.500	22.877.344.259	22.877.344.259
- EXCEL LEADER DEVELOPMENT LIMITED	-	-	9.409.806.000	9.409.806.000
- Công ty TNHH DV & TM Quyết Hiên	7.341.600.000	7.341.600.000	-	-
- Công ty Cổ Phần Hoá Chất Miền Bắc	20.696.354.470	20.696.354.470	-	-
- Công Ty TNHH Ngôi Nhà Di Động	-	-	627.525.816	627.525.816
- Phải trả nhà cung cấp khác	28.402.759.973	28.402.759.973	24.193.706.500	24.193.706.500
Cộng	81.823.292.943	81.823.292.943	61.433.382.575	61.433.382.575

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2022
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	14.885.095.121	45.873.970.665	49.306.376.136	11.452.689.650
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	6.428.735.345	38.115.869.926	38.970.436.344	5.574.168.927
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.130.472.374	6.381.525.740	8.869.646.952	5.642.351.162
- Thuế thu nhập cá nhân	325.887.402	1.268.646.235	1.358.364.076	236.169.561
- Tiền thuê đất	-	107.928.764	107.928.764	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	256.311.118	256.311.118	-
Cộng	14.885.095.121	46.130.281.783	49.562.687.254	11.452.689.650
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2022
	VND	VND	VND	VND
b. Thuế và các khoản phải thu	13.459.234	500.136.715	486.677.481	-
- Thuế xuất nhập khẩu	13.459.234	500.136.715	486.677.481	-
Cộng	13.459.234	500.136.715	486.677.481	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.14 Người mua trả tiền trước

	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước khác	1.830.517.206	922.875.016
- Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghiệp Gia Linh	300.000.000	-
- Công ty TNHH Ngành Gỗ FU MING Việt Nam	195.650.000	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Mavina	500.000.000	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Thành An	391.600.000	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Châu Tín	-	29.016.000
- Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Nam Hải	-	265.064.000
- Khách hàng khác	443.267.206	628.795.016
Cộng	1.830.517.206	922.875.016

5.15 Chi phí phải trả

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn	3.446.079.864	3.205.991.171
- Trích trước lãi vay phải trả	2.257.096.531	2.817.209.351
- Trích trước chi phí vận chuyển	1.188.983.333	388.781.820
b. Dài hạn	-	-
Cộng	3.446.079.864	3.205.991.171

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn	54.068.777.037	25.830.559.552
- Kinh phí công đoàn	130.236.525	258.152.367
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.938.540.512	25.572.407.185
+ Thù lao HDQT, BKS	105.000.000	158.850.000
+ Cổ tức phải trả	53.493.570.502	25.043.577.076
+ Các khoản khác	339.970.010	369.980.109
b. Dài hạn	-	-
Cộng	54.068.777.037	25.830.559.552

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	30/6/2022		Trong năm		01/01/2022	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	Vay ngắn hạn	337.073.697.398	337.073.697.398	415.331.749.719	378.956.617.979	300.698.565.658	300.698.565.658
-	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Quảng Trị	-	-	-	-	-	-
-	Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Quảng Trị ⁽¹⁾	66.086.447.524	66.086.447.524	123.333.910.815	132.740.125.642	75.492.662.351	75.492.662.351
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị ⁽²⁾	238.787.249.874	238.787.249.874	291.997.838.904	193.216.492.337	140.005.903.307	140.005.903.307
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị	32.200.000.000	32.200.000.000	-	53.000.000.000	85.200.000.000	85.200.000.000
b.	Vay dài hạn	141.608.646.473	141.608.646.473	-	-	141.608.646.473	141.608.646.473
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị ⁽³⁾	141.608.646.473	141.608.646.473	-	-	141.608.646.473	141.608.646.473
	Cộng	478.682.343.871	478.682.343.871	415.331.749.719	378.956.617.979	442.307.212.131	442.307.212.131

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng trị theo hợp đồng cho vay hạn mức số 3006/2022-HĐCVHM/NHCT450-CTMDFQUANGTRI ngày 30/06/2022 để bổ sung vốn lưu động (không thanh toán công cụ dụng cụ là phụ tùng, thiết bị thay thế trong dây chuyền sản xuất) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ván gỗ nhân tạo MDF. Hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 30/06/2022 đến 30/06/2023, trong đó thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 6 tháng, lãi suất cho vay: ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa số 1703/2015HĐTCHH ngày 17/05/2015 và hợp đồng thế chấp tài sản số 1703/2015/HĐTCQTS ngày 17/05/2015.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 30BB/HĐHM/2021 ngày 30/11/2021. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, hạn mức tín dụng là 270 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ quy định tại các hợp đồng thế chấp sau: hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 02/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 04/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 496A/HĐTC/2017 ngày 27/09/2017, hợp đồng số 496B/HĐTC/2017 ngày 27/09/2017.

(3) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014 để thực hiện đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất MDF tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Theo đó tổng hạn mức cho vay là 750 tỷ đồng được đảm bảo bằng quyền Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ nhà xưởng xây dựng và dây chuyền sản xuất máy móc thiết bị đồng bộ của dự án sản xuất gỗ MDF công suất 60.000 m³/năm và quyền tài sản hình thành trong tương lai, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.18 Vốn chủ sở hữu**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	551.135.950.000	11.999.994.000	-	105.340.964.076	16.296.908.740	684.773.816.816
- Tăng trong năm trước	-	-	57.177.965	-	85.872.722.079	85.929.900.044
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	85.872.722.079	85.872.722.079
- Tăng khác	-	-	57.177.965	-	-	57.177.965
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	(57.177.965)	(4.503.925.036)	(41.098.026.490)	(45.659.129.491)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.503.925.036	4.503.925.036
- Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(2.769.680.023)	(2.769.680.023)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.031.153.753)	(18.031.153.753)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(24.801.117.750)	(24.801.117.750)
- Giảm khác	-	-	(57.177.965)	(4.503.925.036)	-	(4.561.103.001)
31/12/2021	551.135.950.000	11.999.994.000	-	100.837.039.040	61.071.604.329	725.044.587.369
01/01/2022	551.135.950.000	11.999.994.000	-	100.837.039.040	61.071.604.329	725.044.587.369
- Tăng trong năm nay	-	-	113.622.399	-	26.814.608.004	26.928.230.403
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	26.814.608.004	26.814.608.004
- Tăng khác	-	-	113.622.399	-	-	113.622.399
- Giảm trong trong năm nay	-	-	(113.622.399)	-	(61.071.604.329)	(61.185.226.728)
- Trích quỹ KTPL (*)	-	-	-	-	(10.918.232.879)	(10.918.232.879)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(50.153.371.450)	(50.153.371.450)
- Giảm khác	-	-	(113.622.399)	-	-	(113.622.399)
30/6/2022	551.135.950.000	11.999.994.000	-	100.837.039.040	26.814.608.004	690.787.591.044

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ.MDFQT ngày 22/4/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

5.18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam	467.617.480.000	467.617.480.000
- Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên	33.671.550.000	33.671.550.000
- Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	35.555.000.000	35.555.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	14.291.920.000	14.291.920.000
Cộng	551.135.950.000	551.135.950.000

5.18.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	551.135.950.000	551.135.950.000
+ Vốn góp đầu kỳ	551.135.950.000	551.135.950.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	21.707.653.024	-

5.18.4 Cổ phiếu

	30/6/2022	01/01/2022
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.113.595	55.113.595
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
- USD	397.888,39	58.109,55
- EUR	297,91	303,37

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Doanh thu bán thành phẩm	680.375.870.947	607.894.549.416
Cộng	680.375.870.947	607.894.549.416

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	2.438.610.000
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	2.438.610.000

6.3 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Giá vốn bán thành phẩm	587.424.031.257	489.170.609.065
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(730.616.749)	-
Cộng	586.693.414.508	489.170.609.065

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.985.859	10.856.736
- Lãi chênh lệch tỷ giá	861.043.376	292.775.430
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.537.446	45.981
Cộng	939.566.681	303.678.147

6.5 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	15.500.205.147	15.433.132.514
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	99.330.051	800.450
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	15.599.535.198	15.433.932.964

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
a. Các khoản chi phí bán hàng	37.032.450.806	32.462.206.074
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	4.500.000	33.450.672
- Chi phí nhân công	877.793.372	1.178.597.582
- Chi phí khấu hao TSCĐ	270.425.279	271.795.838
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.857.751.972	30.545.730.982
Trong đó: Chi phí vận chuyển	34.959.342.982	29.940.670.562
- Chi phí khác bằng tiền	21.980.183	432.631.000
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.231.532.455	6.960.441.211
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	279.150.549	247.053.338
- Chi phí nhân công	4.200.559.303	3.105.007.874
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.059.390.311	1.010.101.154
- Thuế, phí, lệ phí	483.053.654	-
- Chi phí dự phòng	(1.142.961.500)	220.328.210
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.168.770.138	1.892.209.596
- Chi phí khác bằng tiền	183.570.000	485.741.039

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.196.133.744	57.078.929.632
- Lợi nhuận của nhà máy MDF1	29.403.339.311	38.818.448.042
- Lợi nhuận của nhà máy MDF2	3.792.794.433	18.260.481.590
Các khoản chi phí không được khấu trừ	688.846.817	559.528.580
- Thù lao Hội đồng quản trị	108.000.000	-
- Các khoản chi phí không hợp lý	580.846.817	559.528.580
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	68.497.746	526.364
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	68.497.746	526.364
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	33.816.482.815	57.637.931.848
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF1	29.998.774.581	39.363.944.608
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF2	3.817.708.234	18.274.513.604
Chi phí thuế TNDN năm 2022	6.381.525.740	9.700.240.283

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

6.8 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	26.814.608.004	47.378.689.349
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	55.113.595	55.113.595
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	487	860

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	460.054.000.317	400.509.896.735
- Chi phí nhân công	37.198.431.061	32.601.351.344
- Khấu hao tài sản cố định	50.585.986.459	51.305.415.252
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.776.473.559	69.957.786.915
- Chi phí bằng tiền khác	230.608.500	918.372.039
Cộng	653.845.499.896	555.292.822.285

6.10 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.852.688.483	37.632.332.491
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.832.654.588	21.950.491.752
Đầu tư dài hạn	1.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	80.685.343.071	62.582.824.243
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	478.682.343.871	442.307.212.131
Phải trả người bán và phải trả khác	135.761.833.455	87.005.789.760
Chi phí phải trả	3.446.079.864	3.205.991.171
Cộng	617.890.257.190	532.518.993.062
Trạng thái ròng	(537.204.914.119)	(469.936.168.819)

Tại ngày 30/6/2022 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/6/2022			
Vay và nợ thuê tài chính	337.073.697.398	141.608.646.473	478.682.343.871
Phải trả người bán và phải trả khác	135.761.833.455	-	135.761.833.455
Chi phí phải trả	3.446.079.864	-	3.446.079.864
Cộng	476.281.610.717	141.608.646.473	617.890.257.190
01/01/2022			
Vay và nợ thuê tài chính	300.698.565.658	141.608.646.473	442.307.212.131
Phải trả người bán và phải trả khác	87.005.789.760	-	87.005.789.760
Chi phí phải trả	3.205.991.171	-	3.205.991.171
Cộng	390.910.346.589	141.608.646.473	532.518.993.062

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/6/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.852.688.483	-	30.852.688.483
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.832.654.588	-	48.832.654.588
Đầu tư dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	79.685.343.071	1.000.000.000	80.685.343.071
01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.632.332.491	-	37.632.332.491
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.950.491.752	-	21.950.491.752
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	59.582.824.243	3.000.000.000	62.582.824.243

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.11 Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	521.923.500	498.555.966
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	521.923.500	498.555.966

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022
Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	21.042.786.600
		CP Thuê văn phòng	22.274.181
		Trả tiền thuê VP	24.501.600
		Trả phí hợp đồng truyền thông 2022	80.000.000
		Thưởng hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2021	40.000.000

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 7 năm 2022

Nguyễn Mạnh Cường
Kê toán trưởng

Cao Duy Hải
Người lập

Quảng Trị, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Số 169/MDFQT-TCKT

“V/v giải trình báo cáo tài chính
6 tháng đầu năm 2022”

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 14, Chương III, Thông tư số: 96/2015/TT - BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: “*Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình nguyên nhân xảy ra lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước*”.

Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị xin giải trình về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

TT	Nội dung	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021	% thay đổi
1	Tổng DT và thu nhập khác	681.315.437.628	606.648.110.299	12,31%
2	Tổng chi phí	648.119.303.884	549.569.180.667	17,93%
3	Lợi nhuận trước thuế	33.196.133.744	57.078.929.632	-41,84%
4	Lợi nhuận sau thuế	26.814.608.004	47.378.689.349	-43,40%

Giá cả nguyên liệu đầu vào cho sản xuất gỗ MDF tại công ty 6 tháng đầu năm 2022 có những biến động lớn so với cùng kỳ năm trước, có những mặt hàng biến động tăng gấp 2,67 lần như Axit Citric, Ure tăng hơn 2 lần vv... Vì vậy chi phí đầu vào tăng lên theo tỷ lệ tăng giá tương ứng, như cùng số lượng mua vào so cùng kỳ năm ngoái là Ure mất 40 tỷ thì năm nay phải bỏ ra hơn 80 tỷ đồng vv..... Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu 2022 so cùng kỳ năm trước qua các chỉ tiêu sau:

1- Về doanh thu: Doanh thu 6 tháng đầu 2022 tăng 12,31% so với 6 tháng cùng kỳ năm trước do sản lượng tiêu thụ tăng từ 123.937 m³ lên 135.691 m³ tăng 9,5%, đồng thời giá bán tăng 1,14% so cùng kỳ năm trước.

2- Về tổng chi phí: Mặc dù doanh thu 6 tháng đầu 2022 tăng 12,31%, nhưng tổng chi phí 6 tháng đầu 2022 tăng cao hơn mức tăng doanh thu, và cụ thể tăng 17,93% so 6 tháng cùng kỳ năm trước. Nên kết quả kinh doanh giảm sút so năm trước.

3- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 chỉ bằng 58,16% so 6 tháng đầu năm 2021 giảm 41,84% do tình hình khách quan của thị trường đầu vào biến động trên, 6 tháng đầu năm 2022 lợi nhuận trước thuế mà Công ty thực hiện được 33,196 tỷ đồng đạt 38% kế hoạch năm là một nỗ lực vượt bậc trong điều kiện giá thành sản xuất tăng 15,18%, giá bán chỉ tăng 1,14%. Nhờ tiết kiệm tối đa trong tất cả các khoản chi phí về sản xuất, quản lý, tiêu thụ cùng khối lượng tồn kho giá thành thấp.



Trên đây là nội dung giải trình của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị về chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT, TCKT.

